TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42 /2017/TCDS-ST
Ngày 21/8/2017
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hằng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Bình

Bà Vũ Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Thành Long - kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2017/TLST-TCDS ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐST-TCDS ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đàm Thị T, sinh năm 1970
Địa chỉ: Xóm Trần T, xã Hải T, huyện Hải H, tỉnh N.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị D (tức Cao Thị M), sinh năm 1957
Địa chỉ: Xóm Trần T, xã Hải T, huyện Hải H, tỉnh N.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Cao Văn M, sinh năm 1954
Địa chỉ: Xóm Trần T, xã Hải T, huyện Hải H, tỉnh N.

Ông Bùi Văn Giang; sinh năm 1969
Địa chỉ: Xóm Trần T, xã Hải T, huyện Hải H, tỉnh N.

4. Người làm chứng:

Chị Cao Thị D; sinh năm 1976
Địa chỉ: TDP Nguyễn Thọ thị trấn C, huyện H, tỉnh N

Chị Cao Thị A; sinh năm 1980
Địa chỉ: TDP số 2 thị trấn C, huyện H, tỉnh N

(Tại phiên tòa Nguyên đơn; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn G có mặt ; vắng mặt ông Cao Văn M có đơn xin vắng mặt; người làm chứng: chị Cao Thị A, chị cao Thị D có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đàm Thị T trình bày:

Do là người cùng xóm và bà D thường xuyên sang nhà bà mua cám nên hai bên có quen biết nhau. Ngày 22/5/2014 bà Trần Thị D (Cao Thị M) có đến nhà bà Đàm Thị T hỏi vay 60.000.000đ tiền mặt, vì tình cảm và tin tưởng bà D nên bà T có đồng ý cho bà D vay tiền. Khi vay tiền Bà T là người bàn giao tiền cho bà D nhận tại nhà bà T và hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền theo mẫu và điền tên người vay và số tiền vay, bà D ký nhận vào giấy biên nhận vay tiền phần người vay tiền tên M (vì chồng bà D tên M) và đưa cho bà T giữ giấy biên nhận. Do bà T buôn bán cám nên có vay của bà Thắng một số tiền để làm vốn kinh doanh, tháng 03 năm 2016 bà Thắng đòi nợ, bà T có đến nhà bà Trần Thị D (tức M) đòi khoản tiền vay 60.000.000đ ngày 22/5/2014 thì bà M không trả nợ cho bà T .

Gia đình nhà bà T có buôn bán cám chăn nuôi, năm 2015 gia đình nhà bà Trần Thị D (tức M) có đến nhà bà T mua cám về chăn nuôi và nợ tiền mua cám, theo sổ ghi nợ gia đình bà M còn nợ gia đình bà T 2.400.000đ, mỗi lần bà M mua cám thì bà T ghi vào sổ nợ mua hàng của gia đình và khi trả nợ tiền mua cám thì bà T gạch sổ nợ, bà T không yêu cầu người mua phải ký vào sổ mua hàng. Sau khi mua cám nợ gia đình bà đến số tiền hơn hai triệu đồng Bà T có đòi nợ bà M nhiều lần tiền mua cám của gia đình bà nhưng bà M không trả. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho mình bà Đàm Thị T đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà Trần Thị D(tức M) và ông Cao Văn M phải có trách nhiệm trả nợ cho bà T, ông G số tiền nợ gốc 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và tiền mua cám 2.400.000đ. Từ khi vay nợ số tiền nợ gốc 60.000.000đ bà D(tức M) có trả cho bà T lãi suất cho bà đến hết tháng 11 năm 2015 theo mức lãi suất 1% trên tháng, sau đó bà D (tức M) không trả lãi và gốc cho bà T nữa. Về tiền lãi từ tháng 12 năm 2015 đến nay bà T không yêu cầu Tòa án buộc bà D, ông M phải trả cho vợ chồng bà số tiền lãi còn lại nữa.

Bị đơn - bà Trần Thị D(tức Cao Thị M) trình bày: Bà M công nhận vào ngày 22/5/ 2014 bà có đến nhà bà Đàm Thị T vay 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng chẵn), hai bên viết giấy biên nhận vay tiền bà T nộp cho Tòa án, bà công nhận bà ký nhận phần người vay như bà T xuất trình và trình bày là đúng, thời hạn vay trong giấy biên nhận không hẹn ngày trả, lãi suất không thỏa thuận cụ thể, tuy nhiên sau khi vay bà và bà T đã thỏa thuận miệng về lãi xuất vay , và bà đã trả cho

bà T với lãi suất 6% tháng. Từ khi vay số tiền gốc 60.000.000đ đến nay bà đã trả lãi cho bà T là 72.000.000đ cho 30 tháng lãi và sau này bà trả thêm cho bà T một tháng lãi 1.200.000đ tổng là 73.200.000đ nhiều hơn tiền gốc bà vay ban đầu của bà T nên bà không trả nợ gốc cho bà T nữa. Tiền bà vay của bà T 60.000.000đ là bà vay giúp cho bà Nhung ở xóm 11 xã Hải T, bà N có trả cho bà được ba tháng lãi mỗi tháng 3.600.000đ sau đó bà đưa luôn trả cho bà T bà không lấy đồng nào, nhưng hiện nay bà N vỡ nợ bỏ đi không có mặt ở địa phương, bà không biết tin tức địa chỉ của bà Nhung , vì vậy bà chưa có tiền trả cho bà T, việc bà vay nợ của bà T chồng bà là ông Cao Văn M không biết. Việc bà trả tiền lãi suất cho bà T vì tin tưởng nhau nên bà không ghi sổ sách hay ký kết giấy tờ gì với bà T, bà trực tiếp trả lãi cho bà T được ba tháng đầu mỗi tháng 3600.000đ ; sau đó bà nhờ hai con gái bà là Cao Thị A và Cao Thị D đi trả lãi cho bà T giúp cho bà, khi trả lãi cho bà T các con gái bà cũng không ký kết văn bản giấy tờ bàn giao tiền trả lãi giúp bà với bà T, nên hiện nay bà không có bất kỳ chứng cứ giấy tờ gì chứng minh trước tòa việc bà đã trả lãi cho bà T nên về việc trả lãi với bà T trước đây bà không có yêu cầu gì.

Còn về tiền mua cám chăm nuôi bà M công nhận năm 2015 bà có mua cám của gia đình bà T, tuy nhiên gia đình bà đã trả nợ hết tiền mua cám cho bà T, vì vậy bà T khởi kiện đòi nợ gia đình bà tiền mua cám chăm nuôi bà không đồng ý.

Nay bà T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà phải trả nợ khoản vay ngày 22/5/2014 số tiền gốc 60.000.000đ bà không nhất trí trả nợ cho bà T, ông G vì bà đã trả tiền lãi cho bà T cao quá tiền gốc. Tại phiên tòa hôm nay việc trả lãi cho bà T bà không có chứng cứ, giấy tờ gì xuất trình với tòa án, việc này bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn M trình bày: ông là chồng bà Trần Thị D (tức M) ông chưa bao giờ đến nhà bà T, ông Giang hỏi vay tiền, được nhận các giấy tờ bà T khởi kiện bà D là vợ ông, ông không biết gì về việc vay nợ giữa bà D (tức M) với bà T, nay bà T đòi nợ bà D thì ông mới biết, việc bà D vợ ông vay tiền của bà T không mang tiền về nhà,và không chi tiêu vào việc gia đình, khi ông hỏi bà D(tức M) về số tiền vay của bà T thì bà D nói với ông là vay giúp người khác. Nay xảy ra tranh chấp việc vay nợ giữa bà D và bà T, việc vay nợ và trả nợ như thế nào ông cũng không biết. Kinh tế gia đình ông do ông làm chủ, việc bà D vợ ông tự ý vay mượn bà T giúp cho người khác, không bàn bạc với ông việc này ông không biết và ông không chịu trách nhiệm. Tiền mua cám bà T khởi kiện đòi nợ gia đình ông , ông M không nhất trí vì gia đình

ông không có nợ nần gì bà T tiền mua cám chăn nuôi, mua đến đâu gia đình ông trả đến đó.Vì vậy,việc bà T khởi kiện yêu cầu ông và bà D phải trả nợ số tiền vay gốc 60.000.000đ và tiền mua cám chăn nuôi cho bà T ông không chấp nhận và không có trách nhiệm với khoản tiền bà D vay và tiền mua cám chăn nuôi của bà T vì ông không có liên quan.

Ông Bùi Văn G(chồng bà T) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: ông không là người trực tiếp giao tiền cho bà Cao Thị M (tức Trần Thị D) vay nợ nhưng bà T sau khi cho bà D vay tiền có nói cho ông biết và ông nhất trí với lời trình bày của bà T ở trên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Đàm Thị T bác bỏ lời khai của bà D (tức M) về việc bà D đã trả lãi cho bà 73.200.000đ, việc này sai sự thật, bà T yêu cầu bà Trần Thị D (tức M) có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho bà T số tiền nợ gốc 60.000.000đ(sáu mươi triệu đồng). Bà T xin rút yêu cầu buộc ông Cao Văn M có trách nhiệm trả nợ chung số tiền nợ gốc với bà Trần Thị D (tức M) vì ông M không ký giấy vay nợ và không nhất trí trả nợ cùng bà D, còn về khoản tiền bán cám chăn nuôi cho bà Trần Thị D(tức M) vì khi bán bà T tin tưởng nên không yêu cầu bà D (tức M) ký sổ mua hàng nợ tiền mua cám chăn nuôi của gia đình bà nên bà T xin rút yêu cầu về việc đòi nợ tiền mua cám đối với vợ chồng ông M, bà D. Bà T bổ sung ý kiến nếu tại phiên tòa hôm nay nếu bà D đồng ý phương án chấp nhận trả nợ dần cho vợ chồng bà mỗi tháng 10.000.000đ trong vòng 5 tháng liền thì bà T xóa nợ cho bà D 10.000.000đ tiền nợ gốc, nếu bà D không nhất trí thì bà T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị D (tức M) giữ nguyên ý kiến như đã trình bày là bà đã trả lãi cho bà T nhiều hơn tiền gốc nên bà không nhất trí trả nợ cho bà T nữa.

Chị Cao Thị D, chị Cao Thị A là con gái ruột của bà Trần Thị D(tức M) là người làm chứng có mặt tại phiên tòa có lời khai công nhận có tham gia trả lãi cho bà T giúp bà Trần Thị D (tức M) là mẹ đẻ mình đến hết tháng 12 năm 2015 như bà D trình bày ở trên là đúng, tuy nhiên khi trả lãi cho bà T vì tin tưởng bà T nên chị A và chị D không viết giấy tờ gì về việc bàn giao tiền trả lãi giúp bà D là mẹ đẻ với bà T nên tại phiên tòa hôm nay chị A, chị D không có giấy tờ, văn bản gì chứng minh gửi cho tòa án . Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Bùi Văn G nhất trí với quan điểm của bà T ở trên và đưa ra phương án cho bà Trần Thị D (tức M) trả nợ dần mỗi tháng 10.000.000đ và bà D trả nợ trong 5 tháng liền và xóa cho bà D (tức M) 10.000.000đ tiền nợ gốc, nếu bà D (tức M) không nhất trí phương án trên thì ông Giang đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị D (tức Cao Thị M) phải trả cho ông và bà T 60.000.000đ tiền nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết, thu thập chứng cứ tài liệu, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng và trình tự thủ tục tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, xem xét tính hợp pháp của toàn bộ hồ sơ và Hợp đồng vay tài sản giữa bà Đàm Thị T với bà Trần Thị D (tức M) ngày 22/5/2014 và kết quả tranh tụng tại phiên tòa giữa các đương sự, Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà Đàm Thị T. Buộc bà Trần Thị D(tức M) phải thanh toán trả cho bà Đàm Thị T số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) nợ gốc. Về án phí : Buộc bà Trần Thị D(tức M) phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn lại cho bà Đàm Thị T số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Ông Cao Văn M vắng mặt nhưng có đơn vắng mặt trong các buổi làm việc tại tòa án và phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản, Quyết định tố tụng cho các đương sự, ông M có lời khai xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thì thấy:

Hợp đồng vay tài sản số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), giữa bà Đàm Thị T và bà Trần Thị D (tức M) là có thật và phù hợp pháp luật. Việc vay nợ giữa bà T và bà M được chứng minh bằng giấy biên nhận vay tiền lập ngày 22/5/2014 do bà Đàm Thị T viết theo giấy biên nhận vay tiền mẫu có sẵn tên người vay là Đàm Thị T, Bùi Văn Giang và bà Cao Thị M (tức Trần Thị D) ký nhận phần người vay tên M. Tuy nhiên trong bản tự khai, và ý kiến trong biên bản lấy lời khai bà D (tức M) thừa nhận có giao dịch vay nợ với bà Đàm Thị T số tiền

nợ gốc 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng chẵn), bà đã nhận tiền từ bà T giao và bà đã ký nhận nợ ở phần người vay. Toàn bộ giấy tờ vay nợ gốc do bà T giữ nên bà không có chứng cứ, tài liệu gì nộp cho tòa án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc bà Trần Thị D (tức Cao Thị M) có vay tiền của bà Đàm Thị T là sự việc có thật.

Tuy nhiên bà D (tức M) ý kiến, sau khi vay bà đã trả cho bà T 73.200.000đ tiền lãi của khoản vay gốc 60.000.000đ ngày 22/5/2014. Việc thanh toán trả nợ lãi suất cho bà T hai con gái bà Cao Thị Anh, Cao Thị Dịu cùng với bà đã thay nhau trả lãi cho bà T đến hết tháng 11 năm 2015 không lập văn bản giấy tờ gì. Bà Đàm Thị T có lời khai bác bỏ lời khai của bà Trần Thị D (tức Cao Thị M) về việc thanh toán trả lãi cho bà, bà T khai bà D có trả cho bà tiền lãi đến tháng 11 năm 2015 theo lãi suất 1% một tháng và chưa trả gốc, khi trả lãi hai bên không lập sổ sách giấy tờ gì. Vì vậy bà T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Trần Thị D (tức M) phải trả cho bà số tiền nợ gốc 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).Còn về số tiền lãi còn lại từ tháng 12 năm 2015 đến nay của khoản vay gốc 60.000.000đ bà T không yêu cầu bà D phải trả lãi cho bà T; về số tiền nợ cám chăn nuôi 2400.000đ và yêu cầu buộc ông M cùng có trách nhiệm trả nợ với bà D (tức M) bà T xin rút yêu cầu.

Xét việc bà Trần Thị D(tức M) khai đã trả tiền cho bà T khoản tiền lãi 73.200.000đ của khoản vay gốc 60.000.000đ ngày 22/5/2017 thì thấy Giấy biên nhận tiền vay bà T xuất trình tại tòa án thể hiện Hợp đồng vay số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), tên người cho vay bà Đàm Thị T, ông Bùi Văn Giang và người vay bà Cao Thị M(tức Trần Thị D) lập ngày 22/5/2014 bà Cao Thị M đã ký nhận phần người vay là có thật, nội dung giấy vay tiền thể hiện việc bà Cao Thị M (tức Trần Thị D) có vay tiền của bà Đàm Thị T. Bà Cao Thị M (tức Trần Thị D) công nhận đã nhận số tiền 60.000.000đ vay nợ gốc từ bà T bàn giao, *không có chỗ nào* trong Giấy biên nhận vay tiền thể hiện việc bà Cao Thị M (tức Trần Thị D) đã thanh toán trả nợ cho bà T cả gốc và lãi , tại bản tự khai và lời khai trình bày gửi tòa án, lời khai nhân chứng là hai con gái ruột của bà D (tức M) tại phiên tòa là chị Cao Thị A, Cao Thị D và bà Cao Thị M (tức Trần Thị D) không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh việc bà đã thanh toán trả nợ tiền lãi cho bà T số tiền 73.200.000đ. Hơn nữa bà T, ông Giang tại phiên tòa chỉ thừa nhận bà D có trả lãi cho bà T đến hết tháng 11 năm 2015 lãi suất theo thỏa thuận 1% một tháng , việc bà T thừa nhận có thu lãi của bà D như vậy do hai bên thỏa thuận, hơn một năm nay bà D không trả số tiền lãi và tiền gốc cho bà T đến nay bà T không yêu

cầu tính sô lãi bà D còn nợ chưa trả nữa,các con gái của bà D là Cao thị A, Cao Thị D tại phiên tòa có lời trình bày có tham gia trả nợ giúp mẹ để tiền lãi cho bà T mỗi tháng 3.600.000đ tức 6% tháng, sau này từ tháng 8 năm 2015 bà T mới lấy lãi xuất 1200.000đ tháng và theo yêu cầu của bà T, nhưng khi trả lãi giúp bà D cho bà T thì chị A, chị D không có bàn giao ký kết giấy tờ về việc trả lãi giúp bà D (tức M) nên xét về quan hệ ruột thịt lời nói bằng miệng chưa khách quan, còn bằng chứng bằng giấy tờ khác chị A và chị D không có tài liệu xuất trình để xem xét việc bà D đã trả lãi cho bà T là quá quy định pháp luật, nên việc bà D (tức M) khai đã trả lãi cho bà T số tiền 73.200.000đ với lãi xuất cao so với quy định là không cơ sở chấp nhận.

Xét việc ông Cao Văn M là chồng bà Trần Thị D(tức M) khẳng định không liên quan tham gia giao dịch vay nợ giữa bà T, ông Giang và bà Trần Thị D(tức M) nên ông M không có trách nhiệm trả nợ. Hơn nữa, lời khai của bà T, bà D (tức M), ông M cũng đều thể hiện việc cá nhân bà T và bà Trần Thị D(tức M) tự giao dịch vay tiền với nhau. Ông M khẳng định bà Trần Thị D(tức M) vay tiền không mang về chi tiêu gia đình, bà T công nhận khi vay nợ chỉ có bà M đến vay và nhận tiền nên yêu cầu buộc ông M trả nợ cùng bà D(tức M) là không có căn cứ. Tại phiên tòa bà T rút yêu cầu buộc ông Cao Văn M có trách nhiệm trả nợ cùng bà D(tức M) số tiền nợ gốc 60.000.000đ; và xin rút yêu cầu gia đình bà D, ông M trả nợ tiền mua cám chăn nuôi 2.400.000đ, Ông bùi Văn G – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí ý kiến của bà Đàm Thị T; xét thấy đây là ý kiến tự nguyện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận sự tự nguyện đó.

Tại phiên toà bà Đàm Thị T, ông Bùi Văn G không yêu cầu bà Trần Thị D (tức M) phải trả tiền lãi suất còn lại đến nay đối số tiền vay gốc 60.000.000đ của khoản vay 22/5/2014 giữa bà Đàm Thị T và bà Cao Thị M(tức Trần Thị D) do đó về tiền lãi suất vay Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì vậy cần buộc bà Trần Thị D (tức Cao Thị M) phải trả cho bà Đàm Thị T, ông Bùi Văn G số tiền nợ gốc 60.000.000đ(sáu mươi triệu đồng).

Các bên đương sự trong vụ án đều xác nhận giao dịch dân sự này được thiết lập ngày 22/5/2014 và các bên giao dịch trả lãi đến tháng 12 năm 2015, tháng 03 năm 2016 nguyên đơn đòi tiền nợ gốc xảy ra tranh chấp. Do giao dịch này được thiết lập xong trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật nên xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ khoản nợ gốc của nguyên đơn nên áp dụng BLDS 2005 để

giải quyết phù hợp với Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Buộc bà Trần Thị D (tức M) phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Đàm Thị T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, Điều 474, Điều 476; Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị T khởi kiện yêu cầu đòi tiền cho vay đối với bà Trần Thị D (tức M).

2. Buộc bà Trần Thị D (tức M) phải thanh toán trả nợ cho bà Đàm Thị T, ông Bùi Văn Giang số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tiền nợ gốc .

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Án phí: Buộc bà Trần Thị D(tức M) phải nộp 3.000.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Đàm Thị T số tiền 1.000.000đ tiền đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 08952 ngày 10/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định: 1 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải T: 1 bản;
- Các đương sự: 3 bản;
- Hồ sơ vụ án: 1 bản;
- Lưu VP: 1 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng